

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 06/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Miên và bà Lê Thị Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Chính là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn T Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2024/HSST, ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn T; tên gọi khác: không, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1996, tại: huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Cung, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị Minh, sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên là Trần Thị Nguyên, sinh năm 2001; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 24/01/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn D, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4/2022, do có nhu cầu mua giấy phép lái xe mà không cần phải tham gia học và thi sát hạch nên Võ Văn T đã lên mạng xã hội tìm kiếm và thỏa thuận với một tài khoản Facebook (chưa xác định được) đặt mua 01 (một) giấy phép lái xe hạng C với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đồng thời, T đã chụp chứng minh nhân dân, ảnh chân dung cùng địa chỉ nơi ở và số điện thoại của mình gửi cho tài khoản trên thông qua ứng dụng Messenger của Facebook. Đến ngày 25/4/2022, T nhận được giấy phép lái xe số: 640224829461, hạng C, mang tên Võ Văn T thông qua đường bưu điện chuyển phát nhanh. Sau khi kiểm tra thông tin, T T toán tiền cho nhân viên giao hàng với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Đầu tháng 6/2023, T xin vào làm lái xe cho ông Phạm Văn D, sinh năm 1962 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Mười Hiệp, địa chỉ: tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G được khoảng 02 tuần thì nghỉ do bị tai nạn. Đến đầu tháng 12/2023, T xin đi làm lại và được doanh nghiệp giao xe ô tô tải để chở hàng hóa. Ngày 12/12/2023, Võ Văn T được ông D giao xe để đi chở ống nước tưới cho khách tại xã Ia Nan, huyện Đ, T điều khiển xe ô tô BKS: 81C-015.46 lưu thông trên tuyến đường Quốc lộ 19, thuộc địa phận tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G, lúc này Tổ tuần tra của Đội Cảnh sát giao thông đường bộ số 3, thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh G đang tuần tra trên đường đã ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Võ Văn T đã xuất trình giấy phép lái xe số: 640224829461, hạng C, mang tên Võ Văn T do Sở giao thông vận tải tỉnh G cấp ngày 15/02/2022 để qua mặt lực lượng Cảnh sát giao thông. Tuy nhiên, khi kiểm tra phát hiện Giấy phép lái xe có dấu hiệu làm giả nên Đội Cảnh sát giao thông đường bộ đã lập biên bản thu giữ và bàn giao hồ sơ cùng tài liệu, tang vật có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh G để điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với giấy phép lái xe nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số 11/KL-KTHS ngày 25/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, Kết luận: “GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER’S LICENSE” số: 640224829461 mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T không có khiếu nại và đồng ý với kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh G.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKS, ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- **Về tội danh:** Đề nghị tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Về mức hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 341; các Điều 38, 50, 65; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T: Từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- **Về xử lý vật chứng của vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- **Về án phí:** Bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo Võ Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào tháng 4 năm 2022, Võ Văn T đã đặt mua trên mạng xã hội Facebook 01 (một) Giấy phép lái xe số: 640224829461, hạng C, mang tên Võ Văn T để xin việc làm. Đến ngày 12/12/2023, tại khu vực đường Quốc lộ 19, tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G, khi bị dừng xe ô tô để kiểm tra, Võ Văn T đã sử dụng giấy phép lái xe giả nói trên để xuất trình với Đội Cảnh sát giao thông Công an tỉnh G. Do nghi ngờ giấy phép lái xe là giả nên Đội Cảnh sát giao thông Công an tỉnh G đã tiến hành tạm giữ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 11/KL-KTHS ngày 25/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, Kết luận: “GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER’S LICENSE” số: 640224829461 mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Võ Văn T tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng. Đối với việc bị cáo cung cấp họ tên, địa chỉ để người khác làm giả giấy phép lái xe nói trên có dấu hiệu đồng phạm của tội: “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tuy nhiên, các tài liệu điều tra thu thập không xác định được người đã thực hiện hành vi làm giả, thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện để thực hiện việc làm giả giấy phép lái xe. Động cơ của bị cáo chỉ muốn có giấy phép lái xe để bị cáo xin việc làm. Như vậy có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo Võ Văn T đã phạm vào tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ việc sử dụng giấy phép lái xe giả để điều khiển xe ô tô là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Mẹ ruột bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, không xử phạt hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với tài khoản Facebook đã làm giả giấy phép lái xe và người giao Giấy phép lái xe cho Võ Văn T: Quá trình điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của những người này nên chưa có căn cứ để xử lý. Kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Đối với ông Phạm Văn D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Mười Hiệp: Quá trình điều tra xác định khi tuyển dụng T vào làm việc, ông D hoàn toàn không biết việc T đã mua Giấy phép lái xe giả để xin việc. Do đó, không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C, số giấy phép lái xe: 640224829461, mang tên Võ Văn T do Sở giao thông vận tải tỉnh G cấp ngày 15/02/2022 là giả. Đây là vật chứng vụ án nên đưa vào hồ sơ vụ án.

- Đối với xe ô tô BKS: 81C-015.46; Nhãn hiệu: FOTON; Loại xe: Tải; Số loại: BJ1043; Màu sơn: Xanh; Số máy: 0619807A; Số khung: 15C17C011255; 01 (một) Đăng ký xe ô tô số:007715 mang tên chủ xe: DNTN Mười Hiệp (địa chỉ Quang Trung, Chư Ty, Đ, G) và 01 (một) chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 4916584. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của của ông Phạm Văn D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Mười Hiệp. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả phương tiện cùng các giấy tờ liên quan nói trên cho ông D theo quy định là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 341; các Điều 50, 65; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 06/5/2024.

Giao bị cáo Võ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về án phí: Buộc bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/5/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người TGGT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

